

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TP  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2020/HSST**  
Ngày: 15-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hà Văn Phi**.

*Các Hội thẩm Nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Quang Chung**;
2. Ông **Phạm Công Gia**;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh** - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông **Phạm Hữu Huỳnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

**Lê Minh T**, sinh năm 1984 tại Long An.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã PA, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá (học vấn): 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh H (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); anh chị em ruột có 06 người, bị cáo là thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2020 (có mặt).

**- Bị hại:** Ông **Phạm Mạnh H**, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 4, xã PA, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1977 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: Ấp 2, xã TS, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.
2. Ông **Phạm Trung N1**, sinh năm 1997 (có mặt);  
Nơi cư trú: Ấp 4, xã PA, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ, ngày 23 tháng 6 năm 2012, Lê Minh T điều khiển xe mô tô của mình đến nhà Phạm Trung N1, sinh ngày 16/7/1997, N1 là người cùng ấp để chở N1 đi chơi. Sau khi T và N1 chơi nhà người quen ở cùng ấp xong thì ra về.

Trên đường về, T rủ N1 đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. N1 đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày, T và N1 đi đến nhà ông Nguyễn Ngọc Tùng D ở ấp 4, PA, TP, Đồng Nai thì phát hiện 01 xe mô tô biển số 60S6-4947 của anh Phạm Mạnh H đang dựng trước sân nhà, không có người trông coi. T dừng xe và nói N1 đứng ngoài trông xe, T vào trong sân lấy trộm chiếc xe mô tô của anh H và dắt xe ra ngoài.

T nói N1 giật dây điện trong ổ khóa điện xe anh H và cho nổ máy xe. Sau đó T và N1 đem xe trộm cắp được bán cho Nguyễn Trọng N ở ấp 2, TS, ĐQ, Đồng Nai được 1.000.000 đồng. T đưa cho N1 400.000 đồng, T hưởng 600.000 đồng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội Lê Minh T đi khỏi địa phương. Ngày 15/6/2020 Lê Minh T bị công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bắt theo quyết định truy nã. Vụ án được điều tra làm rõ.

Tài sản thiệt hại: 01 xe mô tô biển số: 60S6-4947. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 41/ KL.HĐĐGTS ngày 09/8/2012 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TP xác định trị giá là 2.205.000 đồng.

Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô biển số: 60S6-4947.

Cáo trạng số 89/CT-VKSTP-ĐN ngày 21/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Bị cáo Lê Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về mức hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt:

Bị cáo Lê Minh T từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Mạnh H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Nguyễn Trọng N không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Vì vậy, đề nghị không xem xét, giải quyết.

Đề nghị buộc bị cáo phải nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 600.000đ. Buộc người có quyền lợi, N1 vụ liên quan Phạm Trung N1 phải nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 400.000đ.

Đối với Nguyễn Trọng N có hành vi mua xe mô tô của Lê Minh T trộm cắp nhưng do N không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy không xử lý.

Đối với Phạm Trung N1, sinh ngày 16/7/1997 cùng với Lê Minh T có hành vi trộm cắp tài sản của anh H nhưng do N1 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội ít nghiêm trọng do cố ý. Vì vậy không xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố.

Bị cáo không tranh luận cũng không bào chữa cho hành vi của mình. Bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1]. Về áp dụng điều khoản có lợi đối với hành vi xảy ra trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực.

Căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 1 và điểm h khoản 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án N dân tối cao về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội. Theo đó hành vi của bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định hình phạt so với khoản 1 Điều 173 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là như nhau. Do đó pháp luật được áp dụng là tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của những người khác và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 21 giờ ngày 23/6/2012 tại hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc Tùng D thuộc ấp 4, xã PA, huyện TP, Lê Minh T cùng Phạm Trung N1, sinh ngày 16/7/1997 đã có hành vi trộm cắp của anh Phạm Mạnh H 01 xe mô tô biển số 60S6-4947 trị giá 2.205.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội:

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi do bị cáo thực hiện không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây bức xúc, lo sợ, hoang mang, dao động, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cần thiết phải xét xử và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà bị cáo đã gây ra.

[2.4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, N thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã có hành vi xúi giục Phạm Trung N1 – sinh ngày: 16/7/1997 – Là người chưa thành niên phạm tội. Vì vậy, áp dụng cho bị cáo T tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Xúi giục người chưa thành niên phạm tội” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ này để tuyên mức án phù hợp với bị cáo và nhằm nâng cao tính giáo dục pháp luật, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[2.5]. Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với vật chứng của vụ án là 01 xe mô tô biển số 60S6-4947, đã được trao trả cho bị hại Phạm Mạnh H chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Mạnh H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng N không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Buộc bị cáo Lê Minh T phải nộp, sung ngân sách Nhà nước số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) vì đây khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

- Buộc người có quyền lợi, N1 vụ liên quan Phạm Trung N1 phải nộp, sung ngân sách Nhà nước số tiền 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng) vì đây khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

- Đối với Nguyễn Trọng N có hành vi mua xe mô tô của Lê Minh T trộm cắp nhưng do N không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy không xử lý là phù hợp.

- Đối với Phạm Trung N1, sinh ngày 16/7/1997 cùng với Lê Minh T có hành vi trộm cắp tài sản của anh H nhưng do N1 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội ít nghiêm trọng do cố ý. Vì vậy không xử lý là phù hợp.

[2.6]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46, điểm n, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên bố:** Bị cáo Lê Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*Xử phạt:*

- Bị cáo Lê Minh T 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/6/2020.

Áp dụng điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Buộc bị cáo Lê Minh T phải nộp sung ngân sách nhà nước số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng).

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Trung N1 phải nộp sung ngân sách nhà nước số tiền 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng).

*Về án phí:* Buộc bị cáo Lê Minh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*Quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Trung N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trọng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện TP;
- Công an huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Văn Phi**

